TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2024/QĐST-HNGĐ.	Ân Thi, ngày 12 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thu Huyền A, sinh năm 1986.

Đăng ký HKTT: Tổ 6, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố số 1, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1986.

Đăng ký HKTT: thôn G, xã Q, huyện Â, tỉnh Hưng Yên.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Cháu Lê Phương N, sinh ngày 14/4/2013;

Đăng ký HKTT: Tổ 6, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố số 1, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội.

- Cháu Lê Khánh A, sinh ngày 03/6/2019.

Đăng ký HKTT: Tổ 6, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: thôn G, xã Q, huyện Â, tỉnh Hưng Yên.

4. Những người đại diện theo pháp luật cho cháu N và cháu A: Chị Đào Thu Huyền A và anh Lê Đức T.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đào Thu Huyền A và anh Lê Đức T.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thu Huyền A và anh Lê Đức T đều nhất trí thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Huyền A và anh T đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Phương N, sinh ngày 14/4/2013 và cháu Lê Khánh A, sinh ngày 03/6/2019. Hiện nay cháu N đang ở cùng với chị Huyền A còn cháu A đang ở cùng với anh T. Chị Huyền A và anh T thỏa thuận, chị Huyền A được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Phương N đến tuổi thành niên, anh T được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Khánh A đến tuổi thành niên. Các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Huyền A và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Chị Huyền A và anh T tự thoả thuận giải quyết với nhau, anh chị tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Anh T nhất trí để chị Huyền A tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Huyền A đã nộp theo biên lai thu số: 0000822 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Â. Hoàn trả lại chị Đào Thu Huyền A số tiền 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Lũng